TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16 / 4 / 2020
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nga;

2. Ông Nguyễn Văn Trí.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Bà Thạch Thị Th, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Văn T trình bày, thông qua mai mối, ông T và bà Th kết hôn năm 2013, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C ngày 13/10/2015. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Phan Văn K, sinh ngày 11/7/2014 và Phan Khánh D, sinh ngày 11/6/2016. Hiện tại, cháu K đang được ông T chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu D

đang được bà Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Sau thời gian 04 năm chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà Th; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K; đồng ý để bà Th tiếp tục nuôi dưỡng cháu D; ông T, bà Th không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện gồm: bản sao chứng nhận kết hôn số 214/2015 ngày 13/10/2015 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C cấp; bản sao trích lục khai sinh Phan Văn K, sinh ngày 11/7/2014 và Phan Khánh D, sinh ngày 11/6/2016 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C cấp.

- Bị đơn bà Thạch Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Ông T trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, ông T không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, ông T và bà Th chung sống có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà Th hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Xét thấy, từ khi ông T gửi đơn khởi kiện, bà Th không có ý kiến phản hồi. Đồng thời, ông T xác định không còn tình cảm với bà Th. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà Th theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông T, giao cháu K cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu D cho bà Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do ông T, bà Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Phan Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Thạch Thị Th. Đồng thời, bà Th cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Thạch Thị Th đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Th theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông T và bà Th tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà Th là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Ông T xác định, trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm và không còn sống chung khoảng 02 năm nay. Cho nên, ông T yêu cầu được ly hôn với bà Th.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, ông T và bà Th không còn sống chung cách nay khoảng 02 năm. Bên cạnh đó, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bà Th nhưng bà Th không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của ông T. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông T, bà Th là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà Th theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Ông T xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Phan Văn K, sinh ngày 11/7/2014 và Phan Khánh D, sinh ngày 11/6/2016. Ông T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K, đồng ý để bà Th chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D.

Xét thấy, cháu K đang được ông T chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu D đang được bà Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Các con chung phát triển ổn định. Bà Th không có ý kiến đối với quyền nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các con chung, giúp các cháu K, D phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu K cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi

dưỡng; giao cháu D cho bà Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bà Th không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T.

1. Về hôn nhân: Ông Phan Văn T được ly hôn với bà Thạch Thị Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 214/2015 ngày 13/10/2015 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Phan Văn T và bà Thạch Thị T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Ông Phan Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Văn K, sinh ngày 11/7/2014; bà Thạch Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Khánh D, sinh ngày 11/6/2016. Ông Phan Văn T, bà Thạch Thị Th không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Ông Phan Văn T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Thạch Thị Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Văn K.

Bà Thạch Thị Th cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Phan Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Khánh D.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Phan Văn T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0007814 do Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 03 tháng 01 năm 2020; ông Phan Văn T đã nộp đủ án phí.

Bà Thạch Thị Th không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Phan Văn T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Thạch Thị Th được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- UBND xã L, huyện C, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Chí Bình